

# LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

## QUYỂN 5

Từ đây xuống dưới là biểu hiện rõ về tướng sai biệt của sanh diệt.

Bốn Luận nói: Lại nữa, phân biệt về tướng sanh diệt có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thô vì cùng với tâm tương ứng. Hai là tế vì cùng với tâm không tương ứng. Vả lại, cảnh giới của phàm phu là thô ở trong thô, cảnh giới của Bồ-tát là tế ở trong thô và thô ở trong tế, cảnh giới của Phật chính là tế ở trong tế. Hai loại sanh diệt này, dựa vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân và dựa vào duyên. Dựa vào nhân là nghĩa về Bất giác, dựa vào duyên là nghĩa về vọng làm cảnh giới. Nếu nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm bất tương ứng diệt, duyên diệt nên tâm tương ứng diệt.

Hỏi: Nếu tâm diệt thì tại sao nói là tương tục, nếu tương tục thì tại sao nói là cứu cánh diệt?

Đáp: Nói là diệt, chỉ có tướng tâm diệt chứ không phải là thể tâm diệt. Như gió dựa vào nước mà có tướng động, nếu nước không còn thì gió đoạn tuyệt không có nơi nào nương dựa, vì thể không diệt nên tâm được nối tiếp nhau, chỉ có diệt sạch ngu si thì tướng tâm tùy theo sẽ diệt, chứ không phải là tâm trí diệt mất.

Luận giải thích: Ngay trong văn này đã có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là nêu lên giải thích cùng thành tựu chỉ ra tướng. Hai là phần dẫn tướng thuộc về con người giả định. Ba là phần biểu hiện rõ về chỗ dựa thô tế. Bốn là phần Bốn giác đối trị theo thứ tự. Năm là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi.

Nói về phần nêu lên giải thích cùng thành tựu chỉ ra tướng, ấy là sanh diệt thuộc phần thô trọng cùng với tâm tương ứng, sanh diệt thuộc phần vi tế cùng với tâm không tương ứng. Thế nào gọi là sanh diệt thô trọng, sẽ tương ứng cùng với thức nào? Đó là thức Mạt-na, cùng với



thức phân biệt sự tương ứng như nhau. Thế nào gọi là sanh diệt vi tế, sẽ không tương ứng cùng với thức nào? Đó là thức Mạt-na cùng với ba phần vị của thức này nhưng không thể tương ứng.

Bồ-tát Mã Minh dựa vào bản kinh nào mà giải thích như vậy? Đó là kinh Lăng Già. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Nghĩa là trong một bản kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Tuệ bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Các thức có bao nhiêu loại sanh - trú - diệt? Đức Phật bảo Đại Tuệ: Các thức có hai loại sanh, gọi là Lưu chú sanh và Tương sanh. Có hai loại trú, gọi là Lưu chú trú và Tương trú. Có hai loại diệt, gọi là Lưu chú diệt và Tương diệt”.

Lại trong một bản kinh Phân lưu Lăng Già nói thế này: “Này Đại Tuệ! Các thức có hai loại diệt. Thế nào là hai loại? Một là Tương diệt. Hai là Tương tục diệt. Có hai loại sanh. Như thế nào là hai loại? Một là Tương sanh. Hai là Tương tục sanh. Có hai loại trú. Như thế nào là hai loại? Một là Tương trú. Hai là Tương tục trú”. Còn trong kinh Đại Bản Lăng Già nói như sau: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền thưa với Phật: Thưa Thế Tôn! Các pháp của tâm thức có bao nhiêu tướng vô thường? Đức Phật bảo Văn-thù: Nếu thứ nhất có thức vi tế ràng buộc, thì có Thượng phẩm không xa rời sanh diệt. Nếu chuyển phần giữa có thức vi tế ràng buộc, thì có Trung phẩm chẳng xa rời sanh diệt. Nếu chuyển phần xa có thức vi tế ràng buộc, thì có Hạ phẩm chẳng xa rời sanh diệt. Nếu thức thô trước phân biệt khắp nơi, thì có kính phân ly diện chẳng xa rời sanh diệt”. Như vậy, trong ba bản Kinh Lăng Già là trình bày về nghĩa gì? Vì muốn biểu hiện rõ về tướng sai biệt của hai loại sinh diệt thô trọng và vi tế, nên ở trong kinh chỉ đưa ra tên gọi mà không nói rõ nghĩa lý của tên gọi. Do nghĩa này mà Bồ-tát Mã Minh phân biệt phù hợp hay không phù hợp để biểu hiện rõ hai loại sinh diệt thô tế. Như Bản Luận nói: “Lại nữa, phân biệt về tướng sanh diệt thì có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thô vì cùng với tâm tương ứng. Hai là vi tế vì cùng với tâm bất tương ứng”.

Đã nói về phần nêu lên giải thích cùng thành tựu chỉ ra tướng. Tiếp đến nói về phần dẫn tướng thuộc về con người giả định.

Con người giả định trong này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phàm phu không lui sụt. Hai là bậc thanh tịnh tùy phần. Ba là bậc thanh tịnh hoàn toàn. Đây gọi là ba loại người giả định. Người thứ nhất lấy gì tương ứng để làm thành cảnh giới của mình? Đó là lấy nhiễm chấp tương ứng để làm cảnh giới của mình. Như Bản Luận nói: “Vả lại, cảnh giới phàm phu là thô ở trong thô”.

Người thứ hai dùng nhiễm như thế nào để làm cảnh giới của mình. Đó là hai tướng ứng sau và hai bất tướng ứng đầu, cùng với một phần của thức nghiệp để làm cảnh giới của mình. Như Bốn Luận nói: “Cảnh giới Phật chính là tế ở trong tế”.

Đã nói về phần dẫn tướng thuộc về con người giả định. Tiếp đến nói về phần biểu hiện rõ về chỗ dựa thô tế. Chỗ dựa trong này đã có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là Thông. Hai là Biệt. Thông là hai loại sanh diệt, đều lấy vô minh làm chỗ dựa. Biệt là hai loại sanh diệt như thứ tự đó, tất cả nhân và duyên làm thành chỗ dựa. Như Bốn Luận nói: “ Hai loại sanh diệt này, dựa vào vô minh huân tập mà có, đó gọi là dựa vào nhân và dựa vào duyên. Dựa vào nhân nghĩa là về Bất giác, dựa vào duyên là nghĩa về vọng làm cảnh giới”. Nay vẫn trong luận này dựa vào kinh nào mà soạn thuật? Đó là kinh Lăng Già. Trong kinh ấy nói như thế nào? Nghĩa là trong kinh Phân lưu Lăng Già giải thích như vậy: “Này Đại Tuệ! Huân tập không thể nghĩ bàn và biến đổi không thể nghĩ bàn, là nhân của thức hiện. Giữ lấy các loại trần và huân tập vọng tưởng từ vô thủy, là nhân của thức phân biệt sự”. Còn trong kinh Đại Bản Lăng Già nói như sau: “Lại nữa, không xa rời nhân nhiễm là huân tập không thể nghĩ bàn, cho đến biến đổi có thể nghĩ bàn và biến đổi không thể nghĩ bàn. Vả lại, các nhân nhiễm phân ly là các loại gió mạnh, vọng tưởng thức hiện cảnh cho đến nói rộng”. Pháp nào gọi là huân tập thể nghĩ bàn? Đó gọi là vô minh căn bản. Vì nghĩa nào gọi là huân tập không thể nghĩ bàn? Nghĩa là vì rất sâu rộng. Thế nào là rất sâu rộng? Nghĩa là từ địa kim cang trở lui lại tất cả chúng sanh không hiểu rõ nơi này, vì vậy gọi là huân tập không thể nghĩ bàn. Giống như huân tập, biến đổi cũng như vậy, nên trong kinh Đại Bản giải thích như vậy: “Có thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn, chính người từ địa kim cang trở về trước”.

Đã nói về phần biểu hiện rõ chỗ dựa thô tế. Tiếp theo nói về phần Bốn giác đối trị theo thứ tự. Nghĩa là trí của Bốn giác và vô minh căn bản là bắt đầu, tướng diệt là cuối cùng. Như thứ tự đó để dần dần đối trị. Nhưng trong này đoạn trừ không xả bỏ vô minh để làm thành sự đoạn trừ, chứ không phải lấy đoạn trừ làm thành đoạn trừ. Nếu vậy thì làm sao nghĩa đoạn trừ được thành tựu? Nghĩa là đoạn tâm phiền não, vì đoạn trừ nên không khởi lên, do đó gọi là đạo đối trị của Bốn giác theo thứ tự. Như Bốn Luận nói: “Nếu nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm bất tướng ứng diệt, duyên diệt nên tâm tương ứng diệt”.

Đã nói về phần Bốn giác đối trị theo thứ tự. Tiếp đến nói về phần

phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ngay trong phần này tự nó có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là phần đóng cửa cả hai vấn đề. Hai là khai thông để giải quyết nghi ngờ, nội dung trong văn có thể thấy. Trí của Bốn giác sáng suốt đoạn trừ vô minh căn bản, ba loại nhiễm vi tế vĩnh viễn diệt trừ không khởi lên, ba loại tâm vi tế đã không còn thì sáu loại tâm thô trước cũng không thể khởi lên. Ba loại tâm tế, sáu loại tâm thô vĩnh viễn diệt trừ, không khởi lên, thì tánh trí của Bốn giác không thể tự nhiên phát sinh. Tại sao như vậy? Vì ba loại tâm tế, sáu loại tâm thô không phải chỉ là hoàn toàn vô minh mà cũng đều có Bốn giác, chân và vọng hòa hợp gọi là ba tâm tế, sáu tâm thô. Nhưng nếu như nói ba tâm tế, sáu tâm thô diệt, thì Bốn giác cùng diệt chẳng có gì còn lại, há có thể nói tâm của Bốn giác lại cần phải tương tục đến nơi tụ định tà hay sao? Nên có ý hỏi: Nếu tâm diệt thì làm sao tương tục? Đây chính là vấn đề thứ nhất. Nếu như nói Bốn giác là pháp công đức thì pháp chẳng phải là đoạn dứt, luôn tương tục không hề đoạn tuyệt, há có thể nói ba tâm tế, sáu tâm thô vĩnh viễn diệt trừ không khởi lên? Nên nói: Nếu như tương tục thì tại sao nói là cứu cánh diệt? Đây chính là vấn đề thứ hai. Từ đây xuống dưới là giải thích để xử lý nghi ngờ, nội dung trong văn rõ ràng nên không cần phải giải thích lại.

Từ trước đến đây, phần quyết trạch về tướng của sanh diệt đã xong. Từ đây về sau biểu hiện rõ về nghĩa nhiễm tịnh huân tập lẫn nhau phát sanh lẫn nhau không thể đoạn tuyệt.

Bốn Luận nói: “Lại nữa, có nghĩa huân tập của bốn loại pháp, vì vậy pháp nhiễm pháp tịnh dấy lên liên tục. Thế nào là bốn loại? Một là pháp tịnh, gọi là Chân như. Hai là tất cả mọi nhân nhiễm, gọi là Vô minh. Ba là tâm vọng, gọi là thức nghiệp. Bốn là cảnh giới hư vọng, đó là sáu trần. Nghĩa về huân tập, giống như áo quần ở thế gian thật sự không có mùi thơm, nếu người ta dùng mùi thơm để huân tập thì sẽ có mùi thơm. Ở đây cũng như vậy, pháp Chân như thanh tịnh thật sự không có tại nhiễm chấp, chỉ vì vô minh huân tập mà phát sanh tướng nhiễm. Pháp ô nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp thanh tịnh, nhưng dùng Chân như huân tập nên phát sinh tác dụng thanh tịnh.

Sao nói là huân tập dấy lên pháp nhiễm liên tục? Đó là vì dựa vào pháp Chân như nên phát sinh vô minh, vì có nhân của pháp nhiễm vô minh nên lập tức huân tập Chân như, vì huân tập nên lập tức có tâm vọng, vì có tâm vọng nên lập tức huân tập vô minh. Không rõ về pháp Chân như, nên không nhận thức mà niệm vọng dấy lên hiện bày cảnh giới hư vọng. Vì có cảnh giới hư vọng duyên theo pháp nhiễm, nên lập

tức huân tập tâm vọng, khiến đắm vào niệm vọng đó tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu mọi khổ đau của tất cả thân tâm. Nghĩa huân tập từ cảnh giới hư vọng này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tăng trưởng niệm huân tập. Hai là tăng trưởng thủ huân tập. Nghĩa huân tập tâm vọng có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức nghiệp căn bản huân tập, vì luôn nhận chịu khổ sanh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả Bồ-tát. Hai là tăng trưởng thức phân biệt sự huân tập, vì luôn nhận chịu nỗi khổ do nghiệp ràng buộc của phàm phu.

Nghĩa về vô minh huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là căn bản huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức nghiệp. Hai là đã dấy lên kiến - ái huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức phân biệt. Sao nói là huân tập dấy lên pháp tịnh liên tục? Đó là vì có pháp Chân như, có năng lực huân tập vô minh. Do lực nhân duyên huân tập, nên sẽ khiến tâm vọng chán ngán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn. Vì tâm vọng này có nhân duyên chán ngán và mong cầu, nên lập tức huân tập Chân như tự tin vào tánh của mình, biết tâm vọng động, không hề có cảnh giới, tu theo pháp rời xa. Do biết đúng như thật là cảnh giới không hề có, nên các loại phương tiện khởi lên thuận theo hành mà không giữ lấy, không phân biệt, cho đến gắng sức huân tập lâu dài, thì vô minh sẽ bị trừ diệt. Do vô minh diệt nên tâm không có gì dấy lên, vì tâm không dấy lên nên cảnh giới thuận theo diệt. Vì nhân duyên đều diệt hết nên tâm và tướng đều hết, gọi là đạt được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên. Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức phân biệt sự huân tập, là dựa vào các hạng phàm phu, Nhị thừa, chán ngán nỗi khổ sanh tử và tùy theo sức của mình có thể, theo đó dần dần hướng về đạo pháp vô thượng. Hai là ý huân tập, đó là các Bồ-tát phát tâm dũng mãnh nhanh chóng hướng về Niết-bàn. Nghĩa về Chân như huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tự thể tướng huân tập. Hai là dụng huân tập. Tự thể tướng huân tập, là từ vô thủy đời kiếp đến nay vốn có đầy đủ pháp vô lậu. Dụng huân tập, là tánh có đầy đủ nghiệp bất tư nghị làm thành cảnh giới. Dựa vào hai nghĩa này luôn huân tập, vì có năng lực huân tập nên có thể khiến cho chúng sanh chán ngán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp Chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu là nghĩa như vậy thì tất cả chúng sanh biết mình có Chân như và các pháp thanh tịnh đều đang huân tập, tại sao có người tin - có người không tin và sai biệt trước sau không kể xiết? Tất cả đều phải trong một lúc tự biết mình có pháp Chân như, siêng năng tu tập các

phương tiện để cùng hội nhập Niết-bàn mới đúng nghĩa chăng?

Đáp: Chân như vốn có một mà vô minh lại có vô lượng vô biên, từ xưa đến nay tự tánh sai biệt - dày mỏng khác nhau, các phiền não tăng lên vượt quá hằng hà sa số dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Ngã kiến - ngã ái đủ mọi phiền não nhiễm chấp dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Như vậy, chỉ Như Lai là có năng lực biết rõ. Vả lại, pháp của chư Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa trong gỗ là nhân chính của lửa, nếu người không có kiến thức không nhờ vào phương tiện, mà có thể tự nói cây củi bốc cháy thì điều này không hợp lý. Chúng sanh cũng vậy, tuy có sức mạnh huân tập của nhân chính, nếu không gặp được chư Phật - Bồ-tát cùng các vị thiện trí thức, lấy đó làm duyên mà có thể tự mình đoạn trừ phiền não, hội nhập Niết-bàn thì điều này sẽ không hợp lý! Nếu tuy có sức mạnh của ngoại duyên, mà pháp thanh tịnh bên trong chưa có sức mạnh huân tập, thì cũng không thể nào chán ngán tốt cùng nỗi khổ sanh tử mong cầu niềm vui Niết-bàn. Nếu như nhân duyên đầy đủ, thì đó là tự mình có sức mạnh của sự huân tập, lại được chư Phật và các vị Bồ-tát từ bi gia hộ, nên có thể dấy lên tâm chán ngán nỗi khổ, tin có Niết-bàn và nỗ lực tu tập thiện căn. Do sự tu tập thiện căn được thành tựu, vì thế được gặp chư Phật và các bậc Bồ-tát chỉ dạy khiến vui mừng được lợi ích, mới có thể tiến lên hưởng đến đạo lý Niết-bàn. Dụng huân tập ấy chính là lực ngoại duyên của chúng sanh. Ngoại duyên như vậy có vô lượng nghĩa, lược nói có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên sai biệt. Hai là duyên bình đẳng. Duyên sai biệt, là người này nương theo chư Phật và các vị Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu tu đạo cho đến lúc được thành Phật, ở trong thời gian đó hoặc thấy, hoặc nhớ nghĩ, hoặc làm bà con thân thích cha mẹ anh chị với nhau, hoặc làm tôi tớ phục dịch, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm kẻ thù với nhau, hoặc thực hiện bốn sự nhiếp hóa, cho đến tất cả mọi duyên tố đã làm thành vô lượng công hạnh, dùng năng lực huân tập khởi tâm đại bi, có thể làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích. Duyên này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên gần, vì nhanh chóng được cứu độ. Hai là nhân duyên xa, vì về lâu dài mới được độ thoát. Hai duyên gần xa này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên tăng trưởng hành. Hai là duyên nhận được đạo. Duyên bình đẳng, là hết thảy chư Phật và Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập luôn không xả bỏ, vì trí lực cùng một thể, thuận theo mọi sự thấy nghe mà hiện rõ thực hành mọi việc

làm, đó gọi là chúng sanh dựa vào Tam muội, mới được bình đẳng thấy chư Phật. Thế dụng huân tập này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là chưa được tương ứng, nghĩa là phàm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, dùng ý và ý thức huân tập, dựa vào tín lực để tu hành, nhưng chưa đạt được tâm không phân biệt tương ứng cùng với thể, chưa đạt đến sự tu hành nghiệp tự tại tương ứng cùng với dụng. Hai là đã được tương ứng, nghĩa là Bồ-tát pháp thân đạt được tâm không phân biệt, tương ứng cùng với trí dụng của chư Phật, chỉ dựa vào pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập Chân như diệt trừ vô minh. Vả lại, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không ngừng huân tập, cho đến sau khi thành Phật thì được ngưng hẳn. Pháp tịnh huân tập thì không có đoạn dứt và tận cùng thời gian vị lai. Nghĩa này là thế nào? Vì pháp Chân như luôn huân tập, tâm vọng sẽ diệt trừ mà Pháp thân hiển hiện, khởi lên dụng huân tập nên không có đoạn dứt.

Luận giải thích: Ngay trong văn này đã có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là nêu tổng quát về cương yếu. Hai là phần lập tên gọi lược chỉ ra. Ba là phần giải thích chung về huân tập. Bốn là phần phân tích nói chi tiết. Năm là phần phân biệt giữa tận và bất tận.

Trong phần thứ nhất tự nó có sáu ý. Thế nào là sáu ý?

Một là ý đối đãi tác thành lẫn nhau hình như có. Đó là muốn biểu hiện rõ các pháp nhiệm tịnh, thấy đều đối đãi nhau mà được thành lập, vì không có pháp nào chỉ riêng mình được kiến lập.

Hai là ý vốn không có tánh, rộng lặng chẳng phải là có. Đó là muốn biểu hiện rõ những loại tên gọi của các pháp nhiệm tịnh, từ trong căn bản không có tạm thời giả định để kiến lập, vì tất cả đều không phải là tên gọi của chính nó.

Ba là ý đối đãi tác thành lẫn nhau biểu hiện về không. Đó là muốn biểu hiện rõ các pháp nhiệm tịnh do quán sát lẫn nhau, nên từ xưa đến nay không hề có tự thể và tự tánh rộng lặng.

Bốn là ý tự nhiên vô ngại như hư không. Đó là muốn biểu hiện rõ tất cả các pháp chẳng phải là có, chẳng phải có nên tự nhiên trở thành rộng lặng, chẳng phải là ngại, chẳng phải ngại nên luôn làm thành nghĩa vô chướng ngại.

Năm là ý tự nhiên chẳng phải làm nên chẳng phải tạo ra. Đó là muốn biểu hiện rõ tất cả các pháp, có Phật hay không có Phật vẫn có thể huân tập lẫn nhau phát sanh lẫn nhau không hề đoạn tuyệt, vì pháp vốn như vậy và đạo lý về tánh như thế.

Sáu là ý không giữ lấy tự tánh và không có chủ. Đó là muốn biểu



hiện rõ tất cả các pháp, làm thành nghĩa duyên khởi Đà-la-ni. Tổng quát nêu lên vô lượng nghĩa thuộc loại như vậy, nên gọi là phần nêu tổng quát về cương yếu. Như Bốn Luận nói: “Lại nữa, có nghĩa huân tập của bốn loại pháp, vì vậy pháp nhiệm pháp tịnh dấy lên liên tục không thể đoạn tuyệt”.

Đã nói về phần nêu tổng quát về cương yếu. Tiếp đến nói về phần lập tên gọi lược chỉ rõ. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần pháp tướng tịnh chân. Hai là phần pháp tướng nhiệm vọng. Nói là chân, là tạng trí của Bốn giác tự tánh thanh tịnh. Nói là vọng, là vô minh trong cùng tận tách rời thể tướng. Trong phần nhiệm vọng lại có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là vô minh. Hai là thức nghiệp. Ba là cảnh giới. Như vậy có bốn pháp gồm một Chân và ba Vọng, có năng lực tạo thành sự huân tập là số tên gọi căn bản. Nay trong văn này nêu ra một, sau có bao gồm đầy đủ nên quán sát kỹ. Vì sao? Vì tất cả mọi pháp nhiệm đều có đầy đủ sự huân tập. Như Bốn Luận nói: “Thế nào là bốn loại? Một là pháp tịnh, gọi là Chân như. Hai là tất cả mọi nhân nhiễm, gọi là vô minh. Ba là tâm vọng, gọi là thức nghiệp. Bốn là cảnh giới vọng, đó là sáu trần”.

Đã nói về phần lập tên gọi lược chỉ rõ. Tiếp đến nói về phần giải thích chung về huân tập. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần khéo thí dụ để so sánh. Hai là phần pháp - dụ kết hợp giải thích để an lập. Phần khéo thí dụ để so sánh, là ví như áo quần từ trước đến nay, cũng không có mùi thơm, cũng không có mùi hôi và luôn không có mùi gì, nhưng nhiều người lúc đi vào rừng Ban đa già da sa xoa để ô, vì Hội mặt da để huân tập nên đã có mùi hôi, lúc đi vào rừng Phạm-đàn-chỉ-đa-na, vì Đà-ma-kiện-đa huân tập, do đó có mùi thơm. Như Bốn Luận nói: “Giống như áo quần ở thế gian thật sự không có mùi thơm, nếu người ta dùng mùi thơm để huân tập thì sẽ có mùi thơm”.

Phần pháp - dụ kết hợp giải thích để an lập, là đạo lý thắng nghĩa cũng lại như vậy. Tự tánh thanh tịnh và tánh đức vô lậu, từ vô thủy đến nay luôn sáng sạch, cũng không có gì cấu bẩn, cũng không có gì nhiễm ô, nhưng vì vô minh huân tập nên đã có cấu bẩn. Đại dương vô minh từ vô thủy đến nay luôn đen tối, cũng không có trí sáng, cũng không có phẩm chất sạch, nhưng lấy Bốn giác mà huân tập nên sẽ có tác dụng trong sạch. Nhiễm tịnh như vậy chỉ là giả định mà thiết lập, nhiễm không phải là thật sự nhiễm - tịnh không phải là thật sự tịnh, đều là huyền hóa, không có tự tánh thật sự. Như Bốn Luận nói: “Ở đây cũng

như vậy, pháp thanh tịnh Chân như thật sự không có ở tại nhiễm chấp, chỉ vì vô minh huân tập mà phát sanh tướng nhiễm. Pháp ô nhiễm vô minh thật sự không có nghiệp thanh tịnh, nhưng dùng Chân như huân tập nên phát sinh tác dụng thanh tịnh”.

Đã nói về phần giải thích chung về huân tập. Tiếp đến nói về phần phân tích nói chi tiết. Ở trong phần này tức có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần Hắc phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Hai là phần Bạch phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Ba là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Bốn là phần đưa ra duyên nói rộng để thông suốt. Trong phần thứ nhất lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là hỏi tổng quát - trả lời tổng quát để biểu hiện tông chỉ. Hai là quy về tổng làm khác biệt để nói chi tiết. Trong phần thứ hai cũng có hai phần này, nên quán sát kỹ. Trong phần thứ tư tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Hai là phần nhân duyên đều chỉ ra để phát sanh kiến giải. Như thứ tự đó nói về tướng có thể thấy.

“Sao nói là huân tập dấy lên pháp nhiễm liên tục”, chính là hỏi tổng quát, đó là tổng hợp tất cả câu hỏi về nghĩa của hết thảy Hắc phẩm huân tập lẫn nhau, phát sanh lẫn nhau không dứt đoạn.

Từ đây xuống dưới chính là phần trả lời tổng quát. Ngay trong phần nói về câu trả lời này, từ Tạng tịnh diệu cho đến thô trọng, rời bỏ cội gốc hướng về cành ngọn dần dần chuyển sang hơn hẳn để nói theo thứ tự của nó. Nói thứ tự về tướng nên quán sát kỹ. Vô minh căn bản không thể tự có, phải dựa vào Chân như mới có thể trụ lại chắc chắn được. Vì sao? Vì tánh Chân như giống như hư không, thậm chí cai quản làm chủ thật sự trong chướng và không chướng ngại, làm chỗ nương tựa trở về không hề trở ngại. Như Bốn Luận nói: “Đó là vì dựa vào pháp Chân như nên phát sinh vô minh”. Như vậy, vô minh có nơi chốn của nó, có đủ sức hơn hẳn và công năng tự tại, có năng lực huân tập Chân như khiến cho trở thành vọng pháp, tăng thêm trạng thái không hiểu biết - thêm nhiều tác dụng đen tối và đần độn, ví như cha ái dục sinh ra các con trai - gái. Như Bốn luận nói: “Vì có nhân của pháp nhiễm nơi vô minh nên lập tức huân tập Chân như, vì huân tập nên lập tức có tâm vọng”. Như vậy, thức nghiệp và tâm vọng vi tế, vì vô minh nên từ thể đó phát sinh, trở lại huân tập vô minh có thể làm cho tăng trưởng. Ví như sanh ra con nuôi lớn lên có thể sanh ra cha. Lực huân tập như vậy càng tăng thêm, không thể nào thông suốt nhất tâm viên mãn bình đẳng như lý được, vì thế dấy lên niệm vọng mê hoặc của thức chuyển, sanh

ra cảnh giới hư vọng của tướng hiện, khiến cho đại dương sanh tử càng sâu hơn, bến bờ Niết-bàn càng cao lên. Như Bốn Luận nói: “Vì có tâm vọng nên lập tức huân tập vô minh, không rõ về pháp Chân như nên không nhận thức mà niệm vọng dấy lên hiện bày cảnh giới hư vọng”. Như vậy, gió của cảnh giới trở lại huân tập đại dương của thức hiện, dấy lên sóng nước của bảy thức. Các thứ này vui đắm trong cảnh giới của sáu trần, cảnh kia trực tiếp hưởng về trước nhãn thức, lần lượt tạo ra các nghiệp bất thiện, nhận chịu đủ tất cả mọi khổ báo, trong vòng xoay của ba cõi tuần hoàn khởi lên giặc bốn độc nhiều loạn. Như Bốn Luận nói: “Do có cảnh giới hư vọng duyên theo pháp nhiễm, nên lập tức huân tập tâm vọng, khiến đắm vào niệm vọng đó tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu mọi khổ đau của tất cả thân tâm”.

Đã nói về phần hỏi tổng quát - trả lời tổng quát để biểu hiện tông chỉ. Tiếp đến nói về phần quy về tông làm thành biệt để nói chi tiết. Ngay trong phần này đã có ba tầng. Thế nào là ba tầng? Một là cảnh giới. Hai là tâm vọng. Ba là vô minh. Đây gọi là ba tầng. Ba loại như vậy, mỗi loại đều có hai nên sẽ thành ra sáu số. Như thứ tự ấy, đầu lấy làm sau - sau lấy làm đầu, lần lượt biểu hiện rõ.

Tầng thứ nhất nói gì? Vì cảnh giới hư vọng này có lực huân tập đúng như thực nên tăng thêm niệm chấp pháp, có lực huân tập giống như có, nên lớn thêm niệm chấp nhân. Hai chấp về nhân - pháp dấy lên đủ, thì các loại phiền não nhiều hơn số hằng sa thấy đều phát khởi, vì thế gọi là cảnh giới huân tập. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa huân tập từ cảnh giới hư vọng này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tăng trưởng niệm huân tập. Hai là tăng trưởng thủ huân tập”.

Tầng thứ hai nói gì? Nói là thức nghiệp và tâm vọng có lực huân tập của phía trên, đã được rời khỏi hàng Thánh nhân ba thừa, nhưng có thể khiến nhận chịu nỗi khổ vi tế của sanh tử biến dịch. Có lực huân tập của phía dưới, chưa được tách rời địa của tất cả phàm phu nên có thể khiến nhận nỗi khổ thô nặng của sanh tử phần đoạn, vì vậy gọi là tâm vọng huân tập. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức nghiệp căn bản huân tập, vì luôn nhận chịu nỗi khổ sanh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả Bồ-tát. Hai là tăng trưởng thức phân biệt sự huân tập, vì luôn nhận chịu nỗi khổ do nghiệp ràng buộc của phàm phu”.

Tầng thứ ba nói gì? Do vô minh trú địa là từ nơi thể vốn có, có thể huân tập từ đầu đến cuối khiến được thành tựu. Vì thông suốt khắp, có thể huân tập sự thức khiến được thành tựu. Tại sao chỉ nêu ra phần đầu

và cuối mà phần trung gian không biểu hiện? Vì có hai ý? Thế nào là hai ý? Một là ý về hữu thành tựu. Hai là ý về không thành tựu. Thế nào gọi là hữu thành tựu? Vì nêu lên các biên “Có”, tức biểu hiện trung gian cũng “có”. Thế nào gọi là ý về không thành tựu? Đó là đưa ra trong đó không có, tức hiển bày các biên đều rỗng lặng. Nghĩa sau nói gì? Ở trong kinh giải thích như vậy. Xác đáng là kinh nào? Đó là kinh Huân Tập. Trong kinh ấy giải thích như thế nào? Nghĩa là trong kinh Huân Tập giải thích như vậy: “Thức chuyển, thức hiện và thức Mạt-na, không phải là thuận theo vô minh mà được thành tựu. Vì sao? Vì vô minh căn bản chỉ thành tựu ở các biên không phải là thành tựu ở phần giữa”. Nghĩa sau trong văn này giải thích thẳng về kinh ấy, vì thế biết rõ ràng là nghĩa này được thành tựu. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về vô minh huân tập có hai loại? Thế nào là hai loại? Một là căn bản huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức nghiệp. Hai là đã đẩy lên kiến và ái huân tập, vì theo nghĩa có năng lực thành tựu thức phân biệt sự”.

Đã nói về phần Hắc phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Tiếp đến nói về phần Bạch phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. “Sao nói là huân tập đẩy lên pháp tính không đoạn dứt?” chính là câu hỏi tổng quát. Nghĩa là tổng hợp tất cả phần hỏi về nghĩa của hết thảy Bạch phẩm huân tập lẫn nhau, phát sanh lẫn nhau không dứt đoạn.

Từ đây xuống dưới chính là phần trả lời tổng quát. Ngay trong phần trả lời này, tự nó có hai loại huân tập. Thế nào là hai loại? Một là huân tập tự nhiên từ vô thủy. Hai là huân tập từ lúc mới có sự kiến lập. Huân tập từ vô thủy, là từ vô thủy đến nay có hai vị trí của nhân và quả. Huân tập từ lúc bắt đầu kiến lập là nhờ năng lực tu hành. Nhân quả vốn có ấy, tướng của nó thế nào? Nghĩa là từ vô thủy đến nay có địa của ba Hiền và mười Thánh, nên có kết quả của ba Thân và bốn Đức. Nhân quả mới bắt đầu ấy tướng của nó thế nào? Vì lúc này tu hành mới nảy sinh mười Địa của vô thủy, hiện bày nhân quả vốn có. Nhân quả vốn có ấy theo thứ tự như thế nào? Từ vô thủy đến nay đã có mười loại chân trí của Bốn giác và mười loại pháp giới như thật, nên có năng lực huân tập mười loại Chi mạt vô minh, lại vì có một loại tâm pháp giới có năng lực huân tập vô minh căn bản, nên đây gọi là Bốn địa. Như Bốn Luận nói: “Đó là vì có pháp Chân như, có năng lực huân tập vô minh”.

Nhân quả mới bắt đầu huân tập theo thứ tự như thế nào? Đó là tuy chưa đạt được địa Thập Tín, nhưng vì lực huân tập vốn có, thì trong tự tâm chán ngán nỗi khổ sanh tử và mong cầu niềm vui Niết-bàn, dùng năng lực này lập tức huân tập tánh Chân như, tự tin có Phật tánh đi vào

địa Thập Tín. Biết tâm là hư vọng đi vào địa Thập Giải. Biết cảnh giới không đi vào địa Thập Hạnh. Tu tập vượt ra hướng về pháp đi vào địa Thập Hưởng. Dùng Bát nhã như thật biết cảnh giới không, phát khởi vô lượng phương tiện thực hành thuận theo tánh pháp giới, không giữ lấy Niết-bàn, không nghĩ đến sanh tử, đi vào địa Cực hỷ cho đến Kim cang. Vì huân tập từ sâu xa, nên phát khởi đạo giải thoát, vô minh lập tức đoạn trừ, gốc rễ dứt hết nên cành ngọn đều không có, gốc và ngọn của Hắc phẩm không có, nên đạt được Pháp thân Niết-bàn, thành tựu nghiệp dụng của Ứng hóa, đây gọi là Thỉ địa. Như Bốn Luận nói: “Vì lực nhân duyên huân tập, nên sẽ khiến tâm vọng chán ngán nỗi khổ sanh tử cầu mong niềm vui Niết-bàn. Vì tâm vọng này có nhân duyên chán ngán và mong cầu, nên lập tức huân tập Chân như tự tin vào tánh của mình, biết tâm vọng động, không hề có cảnh giới, tu theo pháp rời xa. Do biết đúng như thật là cảnh giới không hề có, nên các loại phương tiện khởi lên thuận theo thực hành mà không giữ lấy, không khởi ý niệm, cho đến gắng sức huân tập lâu dài, thì vô minh sẽ bị trừ diệt. Vì vô minh diệt nên tâm không có gì dấy lên, vì tâm không dấy lên nên cảnh giới theo đó diệt. Do nhân duyên đều diệt hết nên tâm và tướng đều hết, gọi là đạt được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên”.

Đã nói về phần hỏi tổng quát - trả lời tổng quát để biểu hiện tông chỉ. Tiếp đến nói phần quy về tổng làm khác biệt để nói chi tiết. Trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nhiệm vọng huân tập. Hai là phần pháp tịnh huân tập. Trong phần nhiệm pháp lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là loại thô. Hai là loại tế. Nói về phần thô, chính là ý thức. Nói về phần tế, đó là mười một Mạt na. Ý thức huân tập thì tướng đó thế nào? Đó là bốn mươi tâm phàm phu và các hàng Nhị thừa, dùng phần trí của Bốn giác trong ý thức, huân tập phần vô minh ngu si trong ý thức, chán bỏ nỗi khổ sanh tử, vui với niềm vui Niết-bàn, dần dần chuyển sang thù thắng hướng về Phật đạo. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về tâm vọng huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là thức phân biệt sự huân tập, là dựa vào các hạng phàm phu, Nhị thừa, chán ngán nỗi khổ sanh tử và tùy theo sức của mình có thể, theo đó dần dần hướng về đạo pháp vô thượng”. Nghĩa về mười một Mạt-na huân tập, tướng đó thế nào? Đó là từ địa hàng Thánh bắt đầu cho đến địa Kim cang, như thứ tự đó, dùng phần thanh tịnh huân tập phần nhiệm ô để chứng nhập với đạo Bồ-đề Vô thượng, vì các vị Bồ-tát đoạn trừ vô minh, nên như Bốn Luận nói: “Hai là ý huân tập, đó là các vị Bồ-tát phát tâm dũng mãnh nhanh chóng hướng về Niết-bàn”.

Đã nói về phần nhiệm vọng huân tập, tiếp đến nói về phần pháp tịnh huân tập. Phần này tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát. Hai là phần giải thích. Phần nêu tổng quát là nêu tổng quát về tên gọi. Như Bốn Luận nói: “Nghĩa về Chân như huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là tự thể tướng huân tập. Hai là dụng huân tập”. Trong phần giải thích tự có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là Pháp thân tự nhiên huân tập. Hai là Ứng hóa luôn huân tập. Nói Pháp thân tự nhiên huân tập, là tánh trí của Bốn giác từ vô thủy đến nay, có công đức viên mãn và trí tuệ đầy đủ, đương nhiên tự mình tự nhiên dấy lên chứ không có năng lực nào khác. Như Bốn Luận nói: “Tự thể tướng huân tập, là từ vô thủy đời kiếp đến nay vốn có pháp vô lậu”. Nói về Ứng hóa luôn huân tập, là Bốn giác như vậy phát khởi các loại nghiệp dụng vượt quá hàng sa số vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn, tùy thuận theo giáo hóa các tướng tâm trong tất cả chúng sanh, đoạn trừ mọi nghiệp ác tu dưỡng mọi nghiệp thiện, có đủ nhân của trăm hạnh, tròn đầy kết quả của vạn đức. Như Bốn Luận nói: “Dụng huân tập, là tánh có đầy đủ nghiệp bất tư nghị làm thành cảnh giới”. Hai phần như vậy không tách rời nhau, ở trong tất cả mọi lúc - tất cả mọi nơi, luôn huân tập phát khởi niềm tin, sanh ra kiến giải, kiến lập sự nghiệp tu hành tạo tác không chuyển đổi, đạt đến địa Chánh giác, sau cùng đạt được cảnh giới Chân - Tục khiến không còn chướng ngại. Như Bốn Luận nói: “Dựa vào hai nghĩa này luôn huân tập, vì có năng lực huân tập nên có thể khiến cho chúng sanh chán ngán nỗi khổ sanh tử, cầu mong niềm vui Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp Chân như mà phát tâm tu hành”. Căn cứ vào nghĩa ấy, nên lý về ba thân vốn có vì thế được biểu hiện rõ.

Đã nói về phần Bạch phẩm có năng lực huân tập lẫn nhau. Tiếp đến nói về phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Phần giải quyết nghi ngờ này nghĩa lý rất khó giải thích mà văn giáo lại càng khép kín. Làm giải thích nhưng không nói chi tiết, vì không có người nào quyết định thông suốt mà không thể hiểu rõ. Vì vậy nay lại làm nhiều loại giải thích. Tức là khai thị đầy đủ, nói rõ về tâm của hành giả, như thứ tự ấy tương ứng với hỏi và đáp, nên quán sát kỹ. Tất cả chúng sanh đều có Bốn giác, có nhiều chúng sanh lại không có Bốn giác, đều có lý của nó. Vì sao? Vì đấng Đại Giác Thế Tôn đã nói như vậy. Nghĩa này là thế nào? Vì tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay vốn có đủ Bốn giác, từ vô thủy đến nay không có Bốn giác. Nếu dựa vào nghĩa đầu thì tất cả chúng sanh đều có Bốn giác, Bốn giác như vậy chỉ là một thể hiện bày khắp

nơi mọi chúng sanh, mỗi một chúng sanh đều có tánh giác sai khác, nhưng tất cả chúng sanh chỉ có một tánh giác chứ không có tánh giác nào sai khác. Nếu vậy thì chúng sanh chỉ là một, Bốn giác sở hữu chỉ là một. Bốn giác sở hữu không phải một, vì luôn có nhiều chúng sanh. Điều này không thể như vậy. Tại sao? Vì ý nghĩa sâu xa sai khác, nghĩa là tâm của Bốn giác, tánh bình đẳng nên không thể khác nhau về chủng loại, tất cả chúng sanh có tánh sai biệt nên không thể như nhau về chủng loại, không thể khác nhau về chủng loại nên chỉ là một, không thể như nhau về chủng loại nên có nhiều. Nếu vậy thì văn này nói làm sao thông suốt? Đó là trong Luận Đại Tông địa Huyền Văn Bốn của Tôn giả Mã Minh giải thích như vậy:

*Ví như trong hư không  
 Vàng trắng tròn và sáng  
 Chỉ một không hai thể  
 Hiện rõ ngàn vật chứa.  
 Bốn giác cũng như vậy  
 Chỉ một không hai thể  
 Đủ khắp mọi chúng sanh  
 Trong rất nhiều tướng tâm.  
 Ví như một áng mây  
 Che vàng trắng tròn kia  
 Ngàn vật chứa vàng trắng  
 đều ẩn kín không hiện.  
 Vô minh cũng như vậy  
 Chỉ một thể, không hai  
 Đến khắp nơi chúng sanh  
 Hay tạo sự huân tập.*

Có hai nghĩa nên không có sai lầm trái ngược nhau. Thế nào là hai nghĩa? Một là tự tông chỉ quyết định. Hai là dẫn ra để thấu tóm quyết định. Nói về tự tông chỉ quyết định, là biểu hiện rõ về nghĩa tương tục đồng nhất. Nói về dẫn ra để thấu tóm quyết định, là biểu hiện rõ về nghĩa tương tục sai biệt. Luận Huyền Văn biểu hiện về nghĩa thứ nhất, Luận Khởi Tín này là biểu hiện về nghĩa thứ hai. Vì nghĩa này nên không có gì sai lầm trái ngược nhau. Do vậy trong Địa Luận Hư Không Địa của Tôn Giả Mã Minh nói như vậy:

*Ví như dùng lá sen  
 Che vật chứa ánh trắng  
 Vật chứa ánh trắng khác*

*Hiện rõ không che lấp.  
 Vô minh cũng như vậy  
 Che người mê lúc giác  
 Người đã giác Bỏ giác  
 Quyết không thể che kín.*

Văn này vì trình bày về nghĩa nào? Là muốn biểu hiện rõ về nghĩa tương tục sai biệt. Hơn nữa, trong Kinh Văn Thù Sư Lợi Luận Nghị Đề Nhất Thân Lực Thù Thắng Từ Bi Viên Mãn Hư Không Công Đức có nói như sau:

*Có vô lượng vô biên  
 Vô minh phiền não chướng  
 Đến khắp thân chúng sanh  
 Hay tạo thành chướng ngại.*

Văn này là trình bày về nghĩa nào? Đó là muốn biểu hiện rõ về nghĩa tinh tấn tu hành. Biểu hiện rõ thế nào? Đó là có chúng sanh dấy lên niệm vọng như vậy: Nếu thể của vô minh chỉ là một loại, khắp nơi tất cả các chúng sanh, vô minh chỉ là một mà chúng sanh rất nhiều, thì dễ đoạn trừ được, cần gì phải có dũng khí chịu đựng gian khổ để có thể tu hành? Như thấy các sự tướng ở thế gian, nhiều người làm một việc, không đáng để cho là khó thì không chịu khó tu hành. Vì muốn đối trị hàng chúng sanh ngu si lười biếng như vậy, do đó Như Lai giảng giải nói có vô lượng vô biên vô minh có thể che phủ Phật tánh. Do nghĩa này nên nghĩa về vô minh chỉ có một được thành lập. Nếu vậy, khi phiền não của một chúng sanh được chết, thì tất cả chúng sanh còn lại cũng thấy đều được chết. Vì sao? Vì chỉ có một vô minh. Nếu lúc một người đoạn trừ mà những người khác không thể đoạn trừ được, thì không thể nói là cùng một vô minh như nhau. Vả lại, có cõi chúng sanh nào có thể đoạn tuyệt mọi sai lầm? Điều này không thể như vậy. Vô minh tuy là một nhưng tương tục sai khác, tương đó thế nào? Tụng nói:

*Ví như màn đêm tối  
 Đến khắp mười căn phòng  
 Lúc diệt sạch một phòng  
 Diệt khác không thể nói.*

Luận nói: Đêm tối tuy chỉ một, nhưng luôn đầy khắp trong mười căn phòng, cũng không thể nói một bóng tối một căn phòng, cũng không thể nói là mười bóng tối mười căn phòng. Ở trong một căn phòng người ta dùng ngọn đèn sáng soi chiếu, bóng tối hết sạch. Ánh sáng trọn vẹn soi chiếu rõ khắp trong một căn phòng, bóng tối hết sạch không còn lại



gì, nhưng cũng không thể nói là trong chín phòng kia không còn bóng tối. Bóng tối trong chín căn phòng kia vẫn còn đủ không mất, mà đèn soi chiếu trong một căn phòng và bóng tối không diệt ấy cũng không thể diễn tả. Vô minh phiền não cũng lại như vậy. Nói màn đêm đen tối là dụ cho vô minh. Nói mười căn phòng là dụ cho thân của chúng sanh. Nói ngọn đèn sáng là dụ cho trí tuệ. Vì vậy nên biết: Vô minh tuy như nhau mà tương tục sai khác, do đó đoạn trừ và không đoạn trừ tất cả đều không giống nhau. Nếu lúc một chúng sanh trừ hết phiền não, mà các chúng sanh khác không thể đoạn trừ, là vì trong thân chúng sanh chưa hết phiền não nên Phật tánh của Bốn giác bị vô minh che phủ, Phật tánh của Bốn giác trong thân chúng sanh đã hết phiền não, vô minh bao phủ đã rời xa hết. Xa rời chướng ngại Phật tánh và làm chướng ngại cho Phật tánh, khác nhau một trời một vực, vì sao nay nói cùng Phật tánh như nhau? Do thể đó không phân biệt mà khắp nơi mọi chúng sanh đều có, Phật tánh của Bốn giác sánh bằng cõi hư không, không nơi nào không đầy khắp, không đâu không đến được, không nơi nào không thông suốt, không đâu không hướng về, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, chỉ một vị một tướng chẳng có gì sai biệt, nhưng trong tạng vô minh Phật tánh của Bốn giác bị pháp nhiễm che phủ ngăn cách, Phật tánh của Bốn giác nơi pháp giới bên ngoài xa rời pháp nhiễm che phủ, là tâm suy nghĩ nhận biết này đều vin theo duyên ngay lúc đó tùy theo cảnh giới, chứ không phải là tâm thật lý trong tự tánh. Vì vậy nên biết lý của Phật tánh, chỉ là một loại hoàn toàn không có sai biệt. Do đó, trong Luận Đại Tông Địa Huyền Văn Bản của Tôn giả Mã Minh giải thích như vậy:

*Trăng hiện trong vật chứa  
 Vật chứa có nước đục  
 Hiện ra nhưng chẳng rõ  
 Vật chứa có nước trong  
 Hiện ra đủ mà rõ  
 Tối sáng tuy không đồng  
 Chỉ một vầng trăng tròn  
 Bốn giác cũng như vậy.*

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đều có Bốn giác không lúc nào tách rời, tại sao chúng sanh có người thành Phật trước, có người thành Phật sau, có người nay sẽ thành Phật, cũng có người thường xuyên thực hành, cũng có người không thực hành được, cũng có người thông minh, cũng có người ám độn, sai biệt vô số kể như vậy? Cùng có một

tánh giác và đều trong một lúc phát tâm tu hành đạo vô thượng, nhưng vì Phật tánh của Bốn giác mạnh yếu khác nhau, nên có sai biệt như vậy. Do vô minh phiền não dày mỏng khác nhau, nên có sai biệt như thế. Nếu nói như nghĩa đầu thì điều này không như vậy. Vì sao? Vì Bốn giác Phật tánh vốn viên mãn các công đức nhiều hơn số hằng sa không thêm, không bớt. Nếu nói như nghĩa sau thì cũng không đúng. Vì sao? Vì nghĩa về một địa đoạn trừ không thể thành lập. Các loại như vậy sai biệt vô lượng, đều dựa vào vô minh mà được giữ chắc, ở trong chí lý không liên quan gì. Nếu như thế thì tất cả các hành giả đoạn trừ hết thấy điều ác, tu dưỡng hết thấy điều thiện, vượt lên trên Thập Địa đến địa Vô thượng, viên mãn ba thân đầy đủ bốn đức. Như vậy, hành giả là sáng suốt hay là vô minh? Hành giả như thế là ở phần vị vô minh chứ không phải là phần vị sáng suốt. Nếu vậy thì Bốn giác thanh tịnh từ vô thỉ đến nay, không quán xét tu hành, không phải nhờ vào năng lực nơi khác, tánh đức viên mãn, bốn trí đầy đủ, cũng vượt ra bốn câu, cũng xa rời năm biên, lời nói tự nhiên không thể tự nhiên được, tâm thanh tịnh không thể thanh tịnh được, tuyệt đối xa rời và hoàn toàn xa rời. Bốn xứ như vậy là sáng suốt hay là vô minh? Bốn xứ như vậy thuộc về phạm vi vô minh chứ không phải là phần vị sáng suốt. Nếu thế thì một tâm pháp giới, không phải là “trăm phi”, rời bỏ ngàn điều đúng, không phải đứng giữa điều sai trở thành làm trái lẽ tự nhiên, trái lẽ tự nhiên bàn về sự diễn biến của nước, để quyết định đúng mà đã dừng lại, tùy theo sự suy xét kỹ để tay buông lỏng mà lại chắc chắn. Một tâm như vậy là sáng suốt hay là vô minh? Một tâm như vậy thuộc về phạm vi vô minh chứ không phải là phạm vi sáng suốt. Cả ba loại từ một tâm phát sanh. Pháp Ma-ha-diễn chỉ là một, không thể là một giả có thể đi vào một tâm, không thể là tâm giả có thể đi vào một tâm, thật sự không phải là tên gọi của ngã mà hạng mục đề ra nơi ngã, cũng không phải tự mình xưng lên mà phù hợp ở tự mình như là ngã, lập thành tên mà không phải ngã thật, như là tự nó được xưng lên mà không phải thật sự tự nó. Sâu xa khó hiểu lại khó hiểu, vời vời mênh mông lại mênh mông. Thắng xứ như vậy là sáng suốt hay là vô minh? Thắng xứ như vậy thuộc về phạm vi vô minh chứ không phải là phần vị sáng suốt. Pháp Ma-ha-diễn bất nhị, chỉ là pháp Ma-ha-diễn bất nhị. Pháp Ma-ha-diễn bất nhị như vậy là sáng suốt hay là vô minh?

Đã nói về phần hữu giác, tiếp đến nói về phần vô giác. Tại sao tất cả chúng sanh không có Bốn giác? Do không có Bốn giác. Tại sao không có Bốn giác? Vì không có chúng sanh. Tại sao không có chúng

sanh? Vì không hề dựa vào nơi Bốn giác. Dẫn ra hai phần này thuận theo hiểu rộng, như Bốn Luận nói: “Hỏi: Nếu là nghĩa như vậy thì tất cả chúng sanh biết mình có Chân như và các pháp thanh tịnh đều đang huân tập. Tại sao có người tin, có người không tin và sai biệt trước sau không kể xiết? Tất cả đều phải trong một lúc tự biết mình có pháp Chân như, thường xuyên tu tập các phương tiện để cùng hội nhập Niết-bàn mới đúng nghĩa chăng? Đáp: Chân như vốn có một mà vô minh lại có vô lượng vô biên, từ xưa đến nay tự tánh sai biệt, dày mỏng khác nhau, các phiền não tăng lên vượt quá hằng hà sa số dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Ngã kiến - ngã ái đủ mọi phiền não nhiễm chấp dựa vào vô minh khởi lên sai biệt. Như vậy, tất cả phiền não dựa vào vô minh khởi lên, trước sau với vô lượng sai biệt, chỉ có Như Lai có năng lực biết rõ mà thôi”.

Đã nói về phần phát khởi hỏi đáp giải đáp nghi ngờ. Tiếp đến nói về phần đưa ra duyên nói rộng để thông suốt. Chính trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Hai là phần duyên theo tướng phân tán chỉ rõ phát sanh kiến giải. Đối với phần thứ nhất đã có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là nói về thể pháp. Hai là nói về thí dụ. Ba là nói về kế hợp. Vả lại, giáo pháp của chư Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu, đó chính là nói về pháp. Nghĩa là các pháp của Phật phải cần đến nhân duyên chứ không có pháp nào tự nhiên xuất hiện một cách độc lập. Vì sao? Vì pháp vốn như thế. Nói là nhân thì đó là chủng tánh của Bốn giác. Nói là duyên ấy chính là tác dụng sai khác của quyền và thật. Vì hai quan hệ này nên các pháp được thành lập, phải nên quán sát kỹ.

Đã nói về phần nêu về pháp, tiếp theo trình bày về phần nói thí dụ. Như tánh lửa trong gỗ là nhân chính của lửa, nếu người không có kiến thức, không nhờ vào phương tiện, mà cây củi có thể tự bốc cháy là điều hoàn toàn vô lý, đó chính là nói thí dụ. Thí dụ trong này có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là dụ về củi gỗ. Hai là dụ về ngọn lửa. Ba là dụ về con người. Bốn là dụ về đốt cháy. Nói về củi gỗ là dụ cho pháp nhiễm. Nói về ngọn lửa là dụ cho trí tuệ. Nói về con người là dụ cho chúng sanh. Nói về đốt cháy là dụ cho đối trị.

Thí dụ thứ nhất ý nói gì? Nói là A-lê-la-đa-yểm-thi, củi gỗ tức có đủ năm sự việc. Thế nào là năm? Một là cội gốc sâu dày chắc chắn không gì có thể vượt qua. Hai là thân cành hoa lá, cho đến quả hạt sanh ra sắc nhọn vô cùng. Ba là mùi hương hết sức khó chịu. Bốn là cơn

trùng độc hại thích vin vào. Năm là quyến thuộc không cùng tận. Đây gọi là năm sự việc của loại cây này. Pháp nhiệm của vô minh cũng lại như vậy. Vô minh căn bản sâu dày rộng lớn không gì vượt qua được, tất cả các loại bất giác - mê hoặc - sai lầm cảnh ngộ không gì lường tính được.

Thí dụ thứ hai thì ý đó thế nào? Đó là ngọn lửa tàng ẩn thì có bảy sự việc. Thế nào là bảy? Một là nghĩa về chết khô, vì có thể làm cho cây khô cho đến chết. Hai là nghĩa về sinh ra và lớn lên, vì có thể ngăn cản khí lạnh làm cho lớn lên. Ba là nghĩa về không đo lường được, vì không biết nơi nào. Bốn là nghĩa về tàng ẩn, vì không thể trông thấy. Năm là nghĩa về phát ra rõ, vì phát ra ngọn lửa rất nóng. Sáu là nghĩa về thuận theo nảy sinh, vì thuận theo củi gỗ mà có bảy là tùy theo không có nghĩa là tùy cây gỗ mà không có. Đây gọi là bảy sự việc của ngọn lửa. Bốn giác Bát-nhã cũng lại như vậy, huân tập pháp nhiệm cho đến lúc diệt hết, nhận chịu sự huân tập mà lưu chuyển, nơi chốn cư trú không nghĩ bàn được, ẩn tàng bí mật trong tạng vô minh, phát ra rõ đầy đủ không hề sót lại, tùy theo pháp nhiệm có hay không mà Bốn giác có hoặc không.

Thí dụ thứ ba thì ý đó thế nào? Đó là con người không có thật, là vì có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là giả như người Bà-la- lợi-đa-đề. Hai là giả như người Na-thi-a-đa-la. Người thứ nhất kia có năm sự việc. Thế nào là năm? Một là biết củi gỗ sinh ra lửa. Hai là biết cọ xát củi gỗ chuyển thành lửa. Ba là biết lúc chậm lúc nhanh. Bốn là biết nơi dừng lại. Năm là biết thứ tự thành tự. Đây gọi là năm sự việc của người thứ nhất. Nếu người thứ hai không biết những sự việc này thì cuối cùng không có được lửa. Những người tu hành cũng lại như vậy, vì cũng có phương tiện và không có phương tiện.

Thí dụ thứ tư thì ý đó thế nào? Đó là ngọn lửa đốt cháy củi gỗ thì có ba sự việc xảy ra. Thế nào là ba sự việc? Một là việc bỏ sắc bén làm dần độn, nghĩa là ngọn lửa đốt cháy thì các gai góc sắc nhọn của cây củi không thể làm hại được. Hai là việc bỏ khác nhau làm giống nhau, nghĩa là làm cho hết sắc nhọn chính là đã hợp với tro. Ba là việc rời bỏ ngọn trở về gốc, nghĩa là tướng trạng như nhau thì địa bình đẳng với nhau. Đây gọi là ba sự việc xảy ra. Đối trị dẫn dắt, theo thứ tự cũng lại như vậy. Nghĩa là đoạn trừ chướng ngại, chứng được chân lý, trở về một tâm.

Đã trình bày về phần nói thí dụ, tiếp trình bày về phần nói hợp lại.

Trong phần nói hợp lại có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là nói tổng quát. Hai là nói tách biệt. Gọi là nói tổng quát, là vì nêu tổng quát lại những gì đã nói. Như Bốn Luận nói: “Chúng sanh cũng vậy”. Gọi là nói tách biệt, là tách biệt những gì đã nói. Trong phần nói tách biệt này có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần thiếu duyên chỉ có nhân thì không có sức. Hai là thiếu nhân chỉ có duyên thì không có sức. Ba là nhân duyên đầy đủ thì thành tựu trọn vẹn.

Thiếu duyên chỉ có nhân thì không có sức, là ví như tuy tánh lửa trong gỗ từ xưa đến nay có lửa tiềm ẩn, nếu không nhờ vào phương tiện thì không thể lấy được lửa. Như vậy, tuy tánh Như Lai trong tạng vô minh, từ xưa đến nay có tâm của tự tánh thanh tịnh, mà không cần dụng công tu hành thì không thể thành Phật được. Như Bốn Luận nói: “Tuy có sức mạnh huân tập của chánh nhân nếu không gặp được chư Phật - Bồ-tát cùng các vị thiện tri thức, lấy đó làm duyên để có thể tự mình đoạn trừ phiền não, hội nhập Niết-bàn thì điều này không hợp lý”.

Thiếu nhân chỉ có duyên thì không có sức, là ví như có người tuy đầy đủ mọi phương tiện, mà trong cây củi kia nếu không có tánh lửa thì cuối cùng không có được ngọn lửa. Như vậy, tất cả mọi hành giả tuy có tu hành vô số phương tiện, mà trong tâm chúng sanh nếu không có Phật tánh của Bốn giác, thì cuối cùng không thành Phật được. Như Bốn Luận nói: “Nếu như tuy có sức mạnh của ngoại duyên, mà pháp thanh tịnh bên trong chưa có sức mạnh huân tập, thì cũng không thể nào đạt chán ngán tốt cùng nỗi khổ sanh tử, mong cầu niềm vui Niết-bàn”. Nhân duyên đầy đủ thì thành tựu trọn vẹn, là ví như trong cây gỗ có tánh lửa, đủ phương tiện làm ra lửa, thì lửa xuất hiện, đốt tay không còn sót lại gì. Nhân duyên đầy đủ ấy cũng lại như vậy, Phật tánh của Bốn giác có ở bên trong, hợp với bên ngoài có đủ công năng của sự tu hành, nhân của trăm hạnh trọn vẹn, quả của vạn đức đầy đủ, ba trí đều thực hành - bốn đức cùng thông suốt. Như Bốn Luận nói: “Nếu như nhân duyên đầy đủ, thì đó gọi là tự mình có sức mạnh của sự huân tập, lại được chư Phật và các vị Bồ-tát từ bi gia hộ, nên có thể dấy lên tâm chán ngán nỗi khổ, tin có Niết-bàn và nỗ lực tu tập thiện căn, do sự tu tập thiện căn được thành tựu, vì thế được gặp chư Phật và các bậc Bồ-tát chỉ dạy khiến vui mừng được lợi ích, mới có thể tiến lên hưởng đến đạo lý Niết-bàn”.

Đã nói về phần nêu tổng quát về phép tắc quyết định. Tiếp theo nói về phần duyên theo tướng phân tán chỉ rõ phát sanh kiến giải. Trong phần này có hai cách nói. Thế nào là hai cách? Một là nói tổng quát. Hai là nói tách biệt. Ở trong cách nói tổng quát có hai ý. Thế nào là hai

ý? Một là chủ thể duyên. Hai là đối tượng duyên. Nói về chủ thể duyên, đó chính là Ứng hóa thân, vì có năng lực giúp cho chúng sanh tạo tác thành tựu cảnh giới của Bốn giác. Như Bốn Luận nói: “Dụng huân tập ấy”. Nói về đối tượng duyên, đó chính là chúng sanh giới, là những hạng chúng sanh được hết thảy chư Phật giáo hóa. Như Bốn Luận nói: “Chính là lực ngoại duyên của chúng sanh”.

Ở trong cách nói tách biệt có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là duyên có chọn lựa. Hai là duyên không chọn lựa. Như Bốn Luận nói: Ngoại duyên như thế có vô lượng nghĩa. Lược nêu hai loại: Một là duyên sai biệt. Hai là duyên bình đẳng. Nói là duyên có chọn lựa có hai ý. Thế nào là hai ý? Một là người là chủ thể duyên. Hai là cảnh là đối tượng duyên. Người là chủ thể duyên thì phạm vi phần vị đó thế nào? Đó gọi là phát tâm lấy làm ban đầu của phần vị, địa Như Lai để làm phần vị sau cùng, có năng lực thực hiện duyên này. Cảnh là đối tượng duyên thì phạm vi phần vị đó thế nào? Đó là nối thông giữa hai loại chúng sanh thuộc tụ định tà và tụ bất định, tiếp đến nối thông với tụ chánh định. Như Bốn Luận nói: “Duyên sai biệt, là người này dựa vào chư Phật và các vị Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu cầu đạo cho đến lúc được thành Phật, ở trong thời gian đó hoặc thấy, hoặc nhớ nghĩ, hoặc làm bà con thân thích, cha mẹ anh chị với nhau, hoặc làm tôi tớ phục dịch, hoặc làm bạn bè quen biết, hoặc làm kẻ thù với nhau, hoặc thực hiện bốn sự nhiếp hóa, cho đến tất cả mọi duyên tố đã làm thành vô lượng công hạnh, dùng năng lực huân tập khởi tâm đại bi, luôn làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn, hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích”.

Từ đây xuống dưới là trình bày về sự sai biệt giữa thiện căn đã thành thực và chưa thành thực. Nghĩa là có chúng sanh đã thành thực thiện căn, thì thân Ứng hóa liền đúng lúc nhanh chóng khiến được độ thoát. Cũng có chúng sanh chưa thành thực thiện căn, thì thân Ứng hóa thuận theo thời gian lâu dài khiến được độ thoát. Như Bốn Luận nói: “Duyên này có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên gần, vì nhanh chóng được cứu độ. Hai là duyên xa, vì về lâu dài mà được độ thoát”.

Từ đây tiếp xuống đối với duyên gần hay xa đều mở ra làm hai duyên, biểu hiện rõ về tướng sai biệt của nhân quả. Thế nào là hai duyên? Một là thêm duyên về nhân. Hai là thêm duyên về quả. Thêm duyên về nhân, là hai loại duyên kia mỗi một loại đều có tăng trưởng về quả viên mãn ở địa Như Lai. Như bản văn nói: “Hai duyên gần - xa

này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là duyên tăng trưởng hành. Hai là duyên nhận được đạo”.

Đã nói về duyên có chọn lựa, tiếp đến nói về duyên không chọn lựa. Ở trong văn này đã có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là Tổng. Hai là Biệt. Trong phần tổng thuyết nói về duyên bình đẳng, là hết thấy chư Phật và Bồ-tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập luôn không xả bỏ, đó chính là duyên vào từ bi nguyện lực. Điều ấy có nghĩa là hết thấy chư Phật, Bồ-tát, đối với tất cả mọi lúc, ở tại tất cả mọi nơi, luôn huân tập thích hợp với tất cả vô lượng các chúng sanh, để có thể làm thành cảnh giới, phát khởi sức lực của thiện căn đang tiềm ẩn luôn không rời bỏ. Do trí lực cùng một thể, thuận theo mọi sự thấy nghe hiện rõ hành mọi việc, ấy chính là hành thật. Đó là Ứng hóa Phật nói ở trước, dùng lực tự tại vô ngại thuận theo chuyển hóa, tùy thời gian - tùy xứ sở - tùy thích hợp - tùy sự việc - tùy ưa thích, thuận theo Như Như, biểu hiện rõ tám loại nghiệp dụng lợi ích, giáo hóa chúng sanh không có chúng sanh nào còn sót. Nói chúng sanh dựa vào Tam-muội mới được bình đẳng thấy chư Phật, đó chính là biểu hiện rõ về cách nhìn đối với chánh pháp của Phật. Nghĩa là hết thấy chư Phật xuất hiện giữa cõi chúng sanh, ví như mây lông ở giữa cái sừng, trùng trùng vô số không thể nói về đời kiếp được. Như vậy, tuy có vô lượng vô biên, nhưng nếu như không tu tập Xa-ma-tha (pháp Chỉ) thì quyết không thấy được Phật. Vì vậy hết thấy các vị Bồ-tát phát tâm rồi tiếp tục dùng lực Tam-muội quán thấy thân pháp tánh của chư Phật, bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng không có sai biệt, cùng một Chân như - cùng một Pháp thân, khác nhau chỉ vì thấy mình, chứ Ngã tự nhiên không có sai khác. Vì vậy nói là bình đẳng thấy Phật.

Đã nói về phần tổng thuyết, tiếp đến nói về phần biệt thuyết. Ở trong phần này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là chưa đi vào chánh vị. Hai là đã đi vào chánh vị.

Thế nào gọi là chưa đi vào chánh vị? Nghĩa là phạm phu Thập Tín - tất cả Nhị thừa - ba Hiền và Bồ-tát..., chưa đạt được trí chánh thể, chưa chứng đến trí hậu đắc, chưa chứng được như lý. Như Bốn Luận nói: “Thể dụng huân tập này phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? Một là chưa được tương ứng, nghĩa là phạm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, dùng ý và ý thức huân tập, dựa vào tín lực để tu hành, nhưng chưa đạt được tâm không phân biệt tương ứng cùng với thể, chưa đạt đến sự tu hành nghiệp tự tại tương ứng cùng với dụng”.

Thế nào gọi là đã đi vào chánh vị? Nghĩa là hàng Bồ-tát Thập Địa

ở trong đạt được chánh Trí, ở ngoài đạt được hậu trí, một phần trí dụng đồng đẳng với Như Lai, chỉ căn cứ vào lực huân tập vốn có tự nhiên tu hành, tăng trưởng Chân như và luôn diệt trừ vô minh. Như Bồ Đề Luận nói: “Hai là đã được tương ứng, nghĩa là Bồ-tát pháp thân đạt được sự tu hành nghiệp tự tại tương ứng cùng với trí dụng, chỉ dựa vào pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập Chân như diệt trừ vô minh”.

Đã nói về phần phân tích nói chi tiết, tiếp đến nói về phần sai khác giữa tận và bất tận. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ tất cả pháp vọng trái với đạo lý nên không có bắt đầu mà có kết thúc. Tất cả pháp tịnh khế hợp đạo lý nên có bắt đầu mà không có kết thúc. Và lại, vì muốn biểu hiện rõ về hai pháp Chân - Vọng, rất trái ngược nhau nên không thể cùng thực hành. Hơn nữa, vì muốn biểu hiện rõ hai pháp Chân - Vọng không hề có sự hơn kém, thể tướng đó như nhau không hề có rộng hẹp nên nghiệp dụng tạo ra đó giống nhau. Như Bồ Đề Luận nói: “Vả lại, pháp nhiệm từ vô thủy đến nay không ngừng huân tập, cho đến sau khi được thành Phật thì có sự chấm dứt. Pháp tịnh huân tập thì không có gì đoạn dứt và tận cùng thời gian vị lai. Nghĩa này là thế nào? Vì pháp Chân như luôn huân tập, tâm vọng sẽ diệt trừ mà Pháp thân hiển lộ sáng rõ, khởi lên dụng huân tập nên không có đoạn dứt”.

